

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2026/HS-ST**
Ngày 21 - 01 - 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lợi
Bà Nguyễn Thị Tính

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Trâm - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 135/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: ; Đình Văn H gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1988 tại: tỉnh Nam Định (Cũ); Nơi thường trú: Thôn Đ, xã M, tỉnh Ninh Bình Nơi ở hiện tại: Thôn V, xã V, tỉnh Ninh Bình; CCCD số: 036088004231, cấp ngày 25/5/2023. Nơi cấp: Bộ C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Đình Văn G; Con bà: Trần Thị H1 - Sinh năm 1958; Vợ: Trần Thị Kim N (Đã ly hôn); có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 16/10/2025 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Lê Việt T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989 tại: tỉnh Nam Định; Nơi thường trú: Thôn L, xã V, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện tại: Số H, đường H, phường N, tỉnh Ninh Bình; CCCD số: 036089022383, cấp ngày 23/9/2022. Nơi cấp: Bộ C; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Con ông: Lê Xuân M; Con bà: Nguyễn Thị L ; Có vợ là: Nguyễn Thị H2; Có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 16/10/2025 đến nay. Có mặt.

3. Họ và tên: Bùi Thị N1; Tên gọi khác: Khôn; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1991 tại: tỉnh Phú Thọ; Nơi thường trú: 16/182 Nguyễn Công T1, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện tại: 1 N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; CCCD số: 026191000757, cấp ngày 07/8/2022. Nơi cấp: Bộ C; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Bùi Quốc T2; Con bà: Trần Thị D; Có chồng là: Wang, LiBing Con: có 01 con - Sinh ngày 02/9/ 2023; Hiện đang mang thai. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 16/10/2025 đến nay. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2020, lợi dụng quy định của nhà nước về việc bắt buộc các doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử khi xuất bán hàng hóa Nguyễn Thị Thanh H3, sinh năm 1988, trú tại xã T, tỉnh Ninh Bình đã đứng ra thành lập và trực tiếp quản lý điều hành 04 Công ty có địa chỉ kinh doanh tại xã V, tỉnh Ninh Bình gồm: Công ty TNHH K1; Công ty TNHH T5; Công ty TNHH K2; Công ty TNHH D2. Mục đích H3 thành lập các công ty để xuất bán trái phép hóa đơn GTGT cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm thu lợi bất chính, do vậy các công ty do H3 quản lý điều hành đều không có văn phòng, nhà xưởng, nhân viên và không có hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Từ tháng 05/2022 đến tháng 05/2023 thông qua các đối tượng trung gian môi giới (gồm Đinh Thị T3; Trương Thị Thanh P, Nguyễn Duy Đ...), Nguyễn Thị Thanh H3 đã bán trái phép 2.250 hóa đơn GTGT “khống” (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) với tổng số tiền trước thuế là 849.144.423.144 đồng cho 405 tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Để thực hiện hành vi bán trái phép hóa đơn, H3 thuê Nguyễn Duy K và Đinh Thị H4 thực hiện các thủ tục xuất hóa đơn điện tử và nhận tiền chuyển đến từ các công ty mua hóa đơn khống nhằm hợp thức hóa cho việc bán hóa đơn khống. Sau đó theo chỉ đạo của Nguyễn Thị Thanh H3, K và H4 thực hiện trích chuyển tiền % bán hóa đơn khống vào tài khoản của H3, số tiền còn lại K và H4 chuyển vào tài khoản của Đinh Thị H4, Nguyễn Duy Đ, Đinh Thị T3, Trương Thị Thanh P trước khi chuyển trả lại cho các Công ty mua hóa đơn khống nhằm tạo ra dòng tiền lòng vòng, tránh bị cơ quan chức năng phát hiện.

Đối với các Doanh nghiệp đã mua và sử dụng các hóa đơn khống của 4 công ty do H3 quản lý điều hành để kê khai khấu trừ thuế, kết quả điều tra đến nay đã có đủ căn cứ xác định hành vi “Trốn thuế” xảy ra tại Công ty TNHH C1 và Công ty Cổ phần D3. Cụ thể như sau :

1. Đối với Công ty CP D3:

Công ty Cổ phần D3 (gọi tắt là công ty D3), mã số thuế 0601143436, thành lập ngày 26/10/2017, địa chỉ trụ sở: Đường V, khu đô thị T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (cũ); Đăng ký kinh doanh lần 4 thay đổi địa chỉ trụ sở của Công ty tại xóm V, thôn V, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định cũ (nay là xã V, tỉnh Ninh Bình). Công ty do Đinh Văn H5, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Đ, xã M, tỉnh Ninh Bình là Giám đốc, đại diện pháp luật; Lê Việt T, sinh năm 1989 là kế toán trưởng, Trần Thị L1 là thủ quỹ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là thi công, xây dựng các công trình. Công ty D3 kê khai, nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực Y, V, tỉnh Nam Định (cũ) nay là Thuế cơ sở 7, tỉnh Ninh Bình theo phương pháp khấu trừ theo quý.

Trong năm 2021 và 2022, Công ty D3 trúng thầu thi công 04 công trình trên địa bàn tỉnh Nam Định (cũ) gồm: Công trình cải tạo, nâng cấp đường trục kết nối từ Quốc lộ C qua khu L đến đường D, xã C, huyện V, tỉnh Nam Định (cũ); Công trình xây dựng rãnh thoát nước, mương nước, di chuyển cột điện xã C, huyện V, tỉnh Nam Định (cũ); Công trình: Sửa chữa, đảm bảo giao thông đường ra phà T (Quốc lộ A cũ); Công trình: Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km183+800-Km184+600/Quốc lộ 21 tại đầu cầu Y, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định (cũ). Do Công ty D3 thiếu nhân công lao động, thiếu phương tiện, máy móc và nguyên liệu đầu vào nên Đinh Văn H5 đã trực tiếp thuê nhân công, phương tiện, máy móc và mua vật liệu xây dựng của các cá nhân không có hóa đơn GTGT để thi công công trình.

Để có hóa đơn GTGT kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào, nhằm giảm số tiền thuế phải nộp, Đinh Văn H5 đã liên hệ với Đinh Thị T3, sinh năm 1983, trú tại: phường N, tỉnh Ninh Bình nhờ mua các hóa đơn GTGT khống (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) tương ứng với các loại hàng hóa (nhân công, thuê máy móc, mua vật liệu xây dựng) mà Đinh Văn H5 đã thuê, mua nhưng không có hóa đơn GTGT. Sau khi thỏa thuận với T3, H5 đưa số điện thoại của T3 cho Lê Việt T và chỉ đạo T liên hệ với T3 cung cấp thông tin hàng hóa của Công ty D3 cho T3 làm căn cứ xuất hóa đơn. Trong thời gian từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2022, Đinh Thị T3 đã liên hệ, thỏa thuận với Nguyễn Thị Thanh H3 để mua 12 hóa đơn GTGT khống của Công ty TNHH D2; Công ty TNHH K2 và Công ty TNHH K1 do H3 quản lý, điều hành cho Công ty D3 với tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 6.331.069.800 đồng, tiền thuế là 597.982.584 đồng, gồm:

- 04 hóa đơn GTGT (thuê nhân công) của Công ty TNHH D2 với tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 1.299.885.000 đồng, tiền thuế là 103.990.800 đồng.

- 02 hóa đơn GTGT (thuê máy móc) của Công ty TNHH K2 với tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 244.650.000 đồng, tiền thuế là 19.572.000 đồng.

- 06 hóa đơn GTGT (mua vật liệu xây dựng) của Công ty TNHH K1 với tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 4.786.534.800 đồng, tiền thuế là 474.419.784 đồng.

Để hợp thức hóa cho việc mua hóa đơn GTGT không và đảm bảo điều kiện kê khai khấu trừ thuế đầu vào theo quy định, Đinh Văn H5 đã chỉ đạo Lê Việt T lập Hợp đồng kinh tế, các biên bản, chứng từ kèm theo đưa cho Đinh Thị T3 để T3 đưa Nguyễn Thị Thanh H3 ký hoàn thiện chứng từ. Đồng thời H5 chỉ đạo T thực hiện chuyển khoản số tiền ghi trên các hóa đơn GTGT không vào tài khoản của Công ty K1, Công ty K2 và Công ty D2 của H3 như mua bán hàng hóa thật. Sau khi tiền được chuyển đến tài khoản của 03 Công ty trên, H5 chỉ đạo T liên hệ với T3 để lấy lại số tiền đã chuyển. Theo thỏa thuận, H3 giữ lại tiền % bán hóa đơn không, số tiền còn lại H3 chỉ đạo Đinh Thị H4 chuyển trả lại vào tài khoản của Đinh Thị T3 cho H5. Nhận được tiền, T3 báo cho H5 biết, sau đó H5 chỉ đạo T cung cấp số tài khoản của T, của H5 và Trần Thị L1 cho T3 để T3 chuyển trả lại tiền cho H5 thông qua các số tài khoản này. Sao kê các tài khoản giao dịch, xác định: Trong thời gian từ ngày 17/11/2022 đến ngày 26/4/2023, Công ty D3 đã chuyển số tiền 6.929.052.384 đồng đến tài khoản của Công ty K1, Công ty K2, Công ty D2 để thanh toán giá trị tiền hàng được ghi trên 12 hóa đơn GTGT không. Sau khi nhận được tiền, Nguyễn Thị Thanh H3 và Đinh Thị T3 giữ lại tiền % bán hóa đơn đơn là 353.701.384 đồng và trả lại cho Đinh Văn H5 - Giám đốc Công ty D3 số tiền là 6.75.351.000 đồng (trong đó T3 chuyển khoản trả lại cho H5 thông qua tài khoản của Đinh Văn H5, Lê Việt T, Trần Thị L1 số tiền 6.545.351.000 đồng, trả bằng tiền mặt số tiền 30.000.000 đồng).

Sau khi mua được 12 hóa đơn GTGT “không”, H5 chỉ đạo T sử dụng 12 hóa đơn GTGT “không” để kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào Quý 3 và Q 4 năm 2022 tại Chi cục thuế khu vực Ý - V, tỉnh Nam Định (cũ) nay là Thuế cơ sở 7, tỉnh Ninh Bình. Ngày 09/9/2025, Cơ quan điều tra trung cầu Thuế tỉnh Ninh Bình giám định thiệt hại về thuế trong hoạt động kê khai thực hiện nghĩa vụ thuế đối với 12 hóa đơn GTGT không của Công ty D3.

Ngày 02/10/2025, tại Kết luận giám định thiệt hại về thuế đối với Công ty D3, Thuế tỉnh N kết luận :

- Về hành vi vi phạm: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về hành vi trốn thuế: Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ xác định : Công ty CP D3 đã sử dụng 12 hóa đơn GTGT không hợp pháp với giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 6.331.069.800 đồng, tiền thuế GTGT đầu vào là 597.982.584 đồng mua của Công ty TNHH D2, Công ty TNHH K2 và Công ty TNHH K1 để hạch toán hàng, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp của Công ty CP D3 trong kỳ tính thuế Quý 3/2022 và kỳ tính thuế Quý 4/2022.

Như vậy, hành vi của Công ty đã làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

- Về xác định số thuế GTGT trốn: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về phương pháp khấu trừ thuế; Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ T6 quy định; Căn cứ quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ T6 về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào; Căn cứ quy định tại khoản 15 Điều 14 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ T6; Căn cứ vào tờ khai thuế GTGT, kỳ tính thuế từ quý 3/2022 đến quý 2/2025 của Công ty CP D3 xác định: Công ty đã sử dụng 12 số hóa đơn GTGT “không” (hóa đơn đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty TNHH D2, Công ty TNHH K2 và Công ty TNHH K1 để kê khai báo cáo thuế dẫn đến trốn thuế giá trị gia tăng, với số tiền là **597.982.584** đồng (Bằng chữ: Năm trăm chín bảy triệu, chín trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm tám mươi tư đồng).

Ngày 24/10/2025, Đinh Văn H5 đã chỉ đạo Lê Việt T làm thủ tục điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT đối với 12 hóa đơn GTGT “không” tại Tờ khai thuế GTGT Quý 3/2022 và Quý 4/2022 của Công ty D3. Tổng số tiền thuế GTGT điều chỉnh giảm là 597.982.584 đồng. Tuy nhiên, do Công ty D3 còn được khấu trừ tiền thuế Quý 3/2022, Q 4/2022 là 165.108.906 đồng và khoản thuế đã nộp khi thanh toán vốn ngân sách nhà nước là 66.839.015 đồng nên thực tế số tiền Công ty D3 còn phải nộp là 366.034.663 đồng.

Từ ngày 24/10/2025 đến ngày 18/11/2025 Đinh Văn H5 đã nộp đủ số tiền 366.034.663 đồng vào ngân sách Nhà nước để khắc phục số tiền Công ty D3 đã trốn thuế.

2. Đối với Công ty TNHH C1:

Công ty TNHH C1 (trước đây là Công ty TNHH S) thành lập năm 2021 có địa chỉ chỉ kinh doanh tại: K, đường A, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định (cũ) do Bùi Thị N1, sinh năm 1991, trú tại: 1 N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình là người trực tiếp quản lý, điều hành đồng thời là kế toán trưởng của Công ty. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất dây dút quần, áo. Từ khi Công ty TNHH C1 thành lập đến nay, Bùi Thị N1 nhờ Nguyễn Thị Hải Y, sin, Lưu Xuân Đ1 và Dương Việt H6 lần lượt đứng tên Giám đốc, đại diện pháp luật trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, trên thực tế những người này không tham gia quản lý, điều hành công ty.

Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh do các nguyên liệu đầu vào (gồm: dây dệt, dây luồn áo, cúc bọc vải, giấy mextan, hạt đá đính áo) tại thị trường tỉnh Nam Định (cũ) không có nhà máy sản xuất, việc nhập khẩu từ nước ngoài về có giá thành cao. Vì vậy Bùi Thị N1 đã tìm mua hàng hóa, nguyên liệu tại các chợ dân sinh, các cửa hàng bán lẻ trên địa bàn không có hóa đơn GTGT phục vụ sản xuất kinh doanh. Để có hóa đơn kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào, nhằm giảm số tiền thuế phải nộp, từ tháng 06/2022 đến tháng 02/2023, Bùi

Thị N1 đã liên hệ nhờ Đinh Thị T3 mua 12 số hóa đơn GTGT “không” (không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty K1 với trị giá tiền hàng trước thuế là 1.422.641.657 đồng; tiền thuế là 121.793.454 đồng cho Công ty TNHH C1. Theo thỏa thuận, N1 gửi thông tin hàng hóa qua Zalo cho T3 và T3 chuyển cho Nguyễn Thị Thanh H3 để xuất hóa đơn. Do các hóa đơn GTGT không đều là hóa đơn điện tử nên H3 chuyển bằng file mềm cho T3 qua Z để T3 chuyển cho N1.

Để hợp thức hóa việc mua hóa đơn không, N1 trực tiếp lập Hợp đồng nguyên tắc, Biên bản giao nhận hàng hóa ký, đóng dấu sẵn rồi chuyển cho T3 để T3 chuyển cho H3 ký hoàn thiện. Đối với số tiền hàng hóa ghi trên 12 số hóa đơn GTGT không, do N1 không có tiền nên chưa làm thủ tục chuyển khoản vào tài khoản của Công ty K1 để hợp lý hóa việc mua 12 số hóa đơn không. N1 mới thanh toán được tiền % mua hóa đơn GTGT không cho T3 để T3 trả cho H3, các lần thanh toán đều bằng tiền mặt và N1 không nhớ cụ thể là bao nhiêu.

Sau khi mua được 12 số hóa đơn GTGT không của Công ty K1, Bùi Thị N1 thuê Tường Văn D1 (là kế toán tự do) kê khai báo cáo thuế. N1 đưa cho D1 12 số hóa đơn GTGT không để sử dụng kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào cho Công ty TNHH C1 trong kỳ thuế quý 2/2022, quý 3/2022, quý 4/2022 và quý 01/2023. Ngày 25/8/2025, Cơ quan điều tra trung cầu Thuế tỉnh Ninh Bình giám định thiệt hại về thuế trong hoạt động kê khai thực hiện nghĩa vụ thuế đối với 12 số hóa đơn GTGT không của Công ty TNHH C1.

Ngày 02/10/2025, Tại Kết luận giám định thiệt hại về thuế đối với Công ty TNHH C1, Thuế tỉnh Ninh Bình kết luận:

- Về hành vi vi phạm: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định về hành vi trốn thuế; Căn cứ quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 3 Nghị định 51/NĐ-CP ngày 14/5/2010; Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 3 Nghị định 123/2020/NĐ-Cp ngày 19/10/2020 xác định : Công ty TNHH C1 đã sử dụng 12 hóa đơn GTGT “không” (hóa đơn đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) với giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa thuế là 1.422.641.657 đồng, tiền thuế GTGT đầu vào là 121.793.454 đồng mua của Công ty TNHH K1 để kê khai báo cáo thuế vào kỳ tính thuế Quý 2/2022, Q 3/2022, Q 4/2022 và Q 1/2023. Như vậy, hành vi của Công ty TNHH C1 đã làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp là hành vi trốn thuế theo quy định tại khoản 4 Điều 143 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

- Về xác định số thuế GTGT trốn: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT quy định về phương pháp khấu trừ thuế; Căn cứ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016; Căn cứ khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015; Căn cứ khoản 15 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 Căn cứ vào tờ khai thuế GTGT, kỳ tính thuế từ quý 2/2022 đến quý 1/2023 của Công ty TNHH C1 xác định: Công ty đã

sử dụng 12 số hóa đơn GTGT đầu vào không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo (hóa đơn không) của Công ty TNHH K1 để kê khai báo cáo thuế dẫn đến trốn thuế giá trị gia tăng, với số tiền là **121.793.454 đồng** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi một triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm năm tư đồng).

Ngày 7/8/2025, Bùi Thị N1 đã làm thủ tục điều chỉnh giảm số tiền thuế GTGT đối với 12 hóa đơn GTGT không tại Tờ khai thuế GTGT Quý 2/2022; Quý 3/2022; Q 4/2022 và tờ khai thuế GTGT Quý 1/2023 của Công ty TNHH C1. Tổng số tiền thuế GTGT điều chỉnh giảm là 121.793.454 đồng. Tuy nhiên, do Công ty TNHH C1 còn được khấu trừ tiền thuế Q 2/2022 là 776.839 đồng nên số tiền còn phải nộp là 121.016.615 đồng. Ngày 15/8/2025, Bùi Thị N1 đã nộp đủ số tiền 121.016.615 đồng vào ngân sách Nhà nước để khắc phục số tiền mà Công ty TNHH C1 đã trốn thuế GTGT.

Tại Cơ quan điều tra, Đinh Văn H5, Lê Việt T, Bùi Thị N1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Cáo trạng số 60/CT-VKS-P3 ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Đinh Văn H5, Lê Việt T về tội “Trốn thuế”. Theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 200 BLHS; Bùi Thị N1 về tội “Trốn thuế”. Theo quy định khoản 1 và khoản 4 Điều 200 BLHS;

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đinh Văn H5, Lê Việt T; Bùi Thị N1 phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 các Điều 35, 58 của BLHS, đề nghị xử phạt Đinh Văn H5 hình phạt chính là phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 550.000.000 đồng.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s khoản 1; các Điều 51; 35; 54; 58 của BLHS, đề nghị xử phạt Lê Việt T hình phạt chính là phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s; n khoản 1 Điều 51; 35 của BLHS, đề nghị xử phạt Bùi Thị N1 hình phạt chính là phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ghi nhận Đinh Văn H5 đã tự nguyện kê khai, nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 597.982.584 đồng, bị can Bùi Thị N1 đã tự nguyện kê khai, nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 121.793.454 đồng

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

- Các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các kết luận giám định về thuế, kết quả giám định chữ viết và các tài liệu, chứng cứ khác liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Các chứng cứ, tài liệu này đã được thu thập đúng trình tự, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Do đó có đủ cơ sở xác định:

- Từ tháng 09/2022 đến tháng 12/2022, Đinh Văn H5 giám đốc Công ty cổ phần D3 đã chỉ đạo Lê Việt T – kế toán công ty liên hệ với Đinh Thị T3 để mua 12 số hóa đơn GTGT không (hóa đơn đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty TNHH D2; Công ty TNHH K2 và Công ty TNHH K1 do Nguyễn Thị Thanh H3 quản lý, điều hành với tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 6.331.069.800 đồng, tiền thuế là 597.982.584 đồng để kê khai khấu trừ thuế đầu vào tại kỳ thuế Q, Quý 4/2022, làm giảm số tiền thuế GTGT Công ty cổ phần D3 phải nộp, đã trốn thuế GTGT số tiền 597.982.584 đồng.

- Từ tháng 06/2022 đến tháng 02/2023, Bùi Thị N1 với vai trò là người quản lý, điều hành Công ty TNHH C1 đã liên hệ với Đinh Thị T3 mua 12 số hóa đơn GTGT “không” (hóa đơn đã ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo) của Công ty K1 do Nguyễn Thị Thanh H3 quản lý, điều hành với tổng giá trị tiền hàng trước thuế là 1.422.641.657 đồng; tiền thuế là 121.793.454 đồng để kê khai khấu trừ thuế đầu vào tại kỳ thuế Quý 2/2022, Q 3/2022, Q 4/2022 và Q 1/2023, làm giảm số tiền thuế GTGT Công ty TNHH C1 phải nộp, đã trốn thuế GTGT số tiền 121.793.454 đồng.

Hành vi của Đinh Văn H5, Lê Việt T đã phạm tội “Trốn thuế” thuộc trường hợp “Số tiền trốn thuế từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b khoản 2 Điều 200 BLHS.

Hành vi nêu trên của Bùi Thị N1 đã phạm tội “Trốn thuế”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 200 BLHS.

Do đó Cáo trạng số 60/CT-VKS-P3 ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo Đinh Văn H5, Lê Việt T về tội “Trốn thuế”. Theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 200 BLHS; Bùi Thị N1 về tội “Trốn thuế”. Theo quy định khoản 1 và khoản 4 Điều 200 BLHS là đúng người, đúng tội, có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

[4.1] Nhân thân: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của BLHS.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đinh Văn H5, Lê Việt T, Bùi Thị N1 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo Đinh Văn H5 đã tự nguyện kê khai, nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 597.982.584 đồng, bị cáo Bùi Thị N1 đã tự nguyện kê khai, nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 121.793.454 đồng để khắc phục hậu quả. Do đó các bị cáo Đinh Văn H5, Bùi Thị N1 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lê Việt T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Bùi Thị N1 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS.

Khi quyết định hình phạt, HĐXX thấy cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo để vừa thể hiện nguyên tắc công bằng, nhân đạo của pháp luật, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, làm thất thu ngân sách của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trên địa bàn. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng - Căn cứ 35 BLHS - HĐXX thấy không nhất thiết phải cách ly khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên một hình phạt chính là phạt tiền là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Việt T: Căn cứ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, HĐXX thấy có thể áp dụng Điều 54 BLHS để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

- Hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về hành vi của những người có liên quan:

- Đối với Trần Thị L1, kế toán Công ty D3: Tài liệu điều tra xác định Trần Thị L1 là thủ quỹ, phụ trách việc mua hàng hóa, vật liệu xây dựng phục vụ thi công công trình. Quá trình L1 làm việc tại công ty, H5 có mượn tài khoản của L1 để thực hiện một số giao dịch liên quan đến mua bán hàng hóa cho công ty. Việc H5 và T sử dụng tài khoản của L1 để nhận tiền do Đinh Thị T3 chuyển trả lại và mua 12 số hóa đơn GTGT không để kê khai, trốn thuế GTGT, L1 không biết, không tham gia. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với Trần Thị L1.

- Đối với Nguyễn Thị Hải Y, Lưu Xuân Đ1, Dương Việt H6 là những người được Bùi Thị N1 nhờ đứng tên Giám đốc, đại diện pháp luật trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Tưởng Văn D1 được thuê làm kế toán cho Công ty TNHH C1: Những người này đều không biết và không tham gia vào việc Bùi Thị N1 mua, sử dụng 12 hóa đơn GTGT không của Công ty K1 để kê khai, trốn thuế GTGT. Do vậy không có căn cứ để xử lý đối với những người này.

- Đối với hành vi bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thị Thanh H3 người quản lý điều hành 4 Công ty bán hóa đơn không và Đinh Thị T3 là người trực tiếp thực hiện hành vi trung gian, môi giới, bán hóa đơn GTGT không cho Công ty CP D3 và Công ty C1: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ý1, tỉnh Nam Định (cũ) đã khởi tố đối với Nguyễn Thị Thanh H3, Đinh Thị T3 và các đồng phạm về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, đến nay vụ án đã được đưa ra xét xử và có hiệu lực pháp luật. Do đó không xem xét xử lý Nguyễn Thị Thanh H3 và Đinh Thị T3 trong vụ án này.

- Đối với các Doanh nghiệp, cá nhân đã mua hóa đơn không của Công ty TNHH K1; Công ty TNHH T5; Công ty TNHH K2; Công ty TNHH D2 do Nguyễn Thị Thanh H3 quản lý, điều hành: Do thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh N ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến các Doanh nghiệp, cá nhân để tiếp tục xác minh, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn H5, Lê Việt T; Bùi Thị N1 phạm tội “Trốn thuế”.

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Điều 35, 58 của BLHS, xử phạt Đinh Văn H5 hình phạt chính bằng tiền, mức phạt tiền đối với bị cáo Đinh Văn H5 là 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 200; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Các Điều 35; 54; 58 của BLHS, xử phạt Lê Việt T hình phạt chính bằng tiền, mức phạt tiền đối với bị cáo Đinh Việt T4 là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s; n khoản 1 Điều 51; Các Điều 35, 58 của BLHS, xử phạt Bùi Thị N1 hình phạt chính bằng tiền, mức phạt tiền đối với bị cáo Bùi Thị N1 là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Đinh Văn H5 đã tự nguyện kê khai, nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 597.982.584 đồng, bị can Bùi Thị N1 đã tự nguyện kê khai, nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế là 121.793.454 đồng

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Đinh Văn H5, Lê Việt T; Bùi Thị N1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Ninh Bình;
- Phòng GDKTTT&THA tỉnh Ninh Bình;
- CQCSĐT Công an tỉnh Ninh Bình;
- CQTHAHS có thẩm quyền;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các bị cáo;
- Lưu VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thái Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thái H7

